

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ DUCAR

-----o0o-----

BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ
Của “Dự án dây chuyền sản xuất mới
của Ducar Việt Nam”

Địa điểm thực hiện: Nhà xưởng G7, lô đất CN14; Nhà xưởng F3, lô đất CN8, CN9; Nhà xưởng khu F1, lô đất CN6, CN7, CN8 và nhà xưởng khu G4, lô đất CN11, CN12 phân khu phía Đông, khu công nghiệp Phú Thái, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Kim Thành, năm 2025

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ DUCAR

-----o0o-----

MỤC LỤC

NHÀ ĐẦU TƯ

1. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (mẫu số).....2

II NỘI DUNG.....2

Nội dung điều chỉnh 1: Mục tiêu dự án.....2

Nội dung điều chỉnh 2: Quy mô dự án.....4

Nội dung điều chỉnh 3: Tổng vốn đầu tư của dự án đầu tư.....6

Nội dung điều chỉnh 4: Bảng chính thống kê địa điểm thực hiện dự án.....8

Nội dung điều chỉnh 5: Dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng sử dụng.....9

Nội dung điều chỉnh 6: Các hạng mục đầu tư của dự án.....10

Nội dung điều chỉnh 7: Các hạng mục đầu tư của dự án.....10

Cộng khác với nội dung khác liên quan đến nội dung điều chỉnh.....13

1. Thông tin chung về dự án đầu tư.....13

2. Các nội dung chính của dự án.....14

3. Các nội dung khác của dự án.....16

4. Các nội dung khác của dự án.....18

5. Các nội dung khác của dự án.....20

6. Các nội dung khác của dự án.....22

7. Các nội dung khác của dự án.....24

8. Các nội dung khác của dự án.....26

9. Các nội dung khác của dự án.....28

10. Các nội dung khác của dự án.....30

11. Các nội dung khác của dự án.....32

12. Các nội dung khác của dự án.....34

13. Các nội dung khác của dự án.....36

14. Các nội dung khác của dự án.....38

15. Các nội dung khác của dự án.....40

16. Các nội dung khác của dự án.....42

17. Các nội dung khác của dự án.....44

18. Các nội dung khác của dự án.....46

19. Các nội dung khác của dự án.....48

20. Các nội dung khác của dự án.....50

21. Các nội dung khác của dự án.....52

22. Các nội dung khác của dự án.....54

23. Các nội dung khác của dự án.....56

24. Các nội dung khác của dự án.....58

25. Các nội dung khác của dự án.....60

26. Các nội dung khác của dự án.....62

27. Các nội dung khác của dự án.....64

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Của “Dự án dây chuyền sản xuất mới của Ducar Việt Nam”

Địa điểm thực hiện: Nhà xưởng G7, lô đất CN14; Nhà xưởng F3, lô đất CN8, CN9; Nhà xưởng khu F1, lô đất CN6, CN7, CN8 và nhà xưởng khu G4, lô đất CN11, CN12 phân khu phía Đông, khu công nghiệp Phú Thái, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.



**TỔNG GIÁM ĐỐC
PANG XU**

Kim Thành, năm 2025

MỤC LỤC

I. NHÀ ĐẦU TƯ.....	2
II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN <i>(nếu có)</i>	2
III. NỘI DUNG	2
1. Nội dung điều chỉnh 1: Mục tiêu dự án.....	2
2. Nội dung điều chỉnh 2: Quy mô dự án.....	4
3. Nội dung điều chỉnh 3: Tổng vốn đầu tư của dự án đầu tư	6
4. Nội dung điều chỉnh 4: Điều chỉnh thông tin địa điểm thực hiện dự án.....	8
5. Nội dung điều chỉnh 5: Điều chỉnh thông tin diện tích nhà xưởng sử dụng.....	9
6. Nội dung điều chỉnh 6: Thời hạn hoạt động của dự án.....	10
7. Nội dung điều chỉnh 7: Tiến độ thực hiện dự án.....	10
8. Giải trình các nội dung khác liên quan đến nội dung điều chỉnh.....	13
8.1. Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn đầu tư và cơ cấu phân bổ tổng vốn đầu tư: ..	13
8.2. Sản xuất máy cắt cỏ cầm tay	14
8.3. Sản xuất máy dọn cỏ:	18
8.4. Sản xuất máy cắt tỉa cành cây:	27
8.5. Sản xuất máy xới và dọn tuyết.....	31
8.6. Sản xuất máy xới đất cầm tay	38
8.7. Sản xuất máy cưa xích cầm tay.....	43
8.8. Danh mục máy móc, thiết bị thực hiện mục tiêu mới:.....	46
8.9. Phương tiện vận tải:	56
8.10. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường sau khi thêm mục tiêu mới	57

I. NHÀ ĐẦU TƯ

Tên doanh nghiệp/tổ chức: CÔNG TY HỮU HẠN CHẾ TẠO THIẾT BỊ ĐỘNG LỰC ĐẠI GIANG TRÙNG KHÁNH. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số (Mã số tín dụng xã hội thống nhất): 915002277562455181; Ngày cấp: 12/02/2004; Nơi cấp: Chi cục khu Bích Sơn Cục quản lý hành chính công thương thành phố Trùng Khánh, Trung Quốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Khu mật dịch công nghiệp phố Thanh Cống, khu Bích Sơn, thành phố Trùng Khánh, Trung Quốc.

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức, gồm:

Họ tên: GUO QIANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch

Ngày sinh: 26/8/1980

Quốc tịch: Trung Quốc;

Số hộ chiếu: E63835830

Ngày cấp: 18/01/2016

Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an Trung Quốc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: Thành phố Trùng Khánh, khu Nam Ngạn, số 16 đường Đơn Long, toà nhà 11, phòng 23-3, Trung Quốc.

Điện thoại: +86.18623333851

Email: ducar_hr@ducar.com.cn

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế: Công ty TNHH Công nghệ Ducar

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0801264607 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 15/11/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09/08/2023.

3. Mã số thuế: 0801264607

III. NỘI DUNG

1. Nội dung điều chỉnh 1: Mục tiêu dự án

a) Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư:

Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC
1	Sản xuất máy bơm nước, máy rửa áp lực, tổ máy phát điện, tổ máy phát điện biến tần, máy bơm rửa áp lực nước nóng	2829 (Chính)
2	Sản xuất động cơ xăng thông dụng, máy hàn, máy rửa động cơ điện, máy cắt cỏ, bàn nâng điện tự động	2829 (Chính)

3	Sản xuất máy sưởi, xe đẩy, xe đẩy dùng cho máy bơm rửa	2829 (Chính)
4	Sản xuất máy xới, máy khoan đất canh tác, máy cắt tia viên cỏ, máy tách gỗ, máy nén khí, máy rửa áp lực cao, tháp đèn chiếu sáng, máy đầm đất, bình tích điện, máy nghiền gỗ, máy thổi gió	2821
5	Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu và quyền phân phối bán buôn hàng hoá	-
6	Sản xuất bộ chuyển đổi nguồn điện tự động AST, Bộ công tắc chuyển đổi và ổ cắm kết nối điện	2790

Công ty TNHH công nghệ Ducar đăng ký được áp dụng quy định doanh nghiệp chế xuất.

b) Nay đăng ký sửa thành:

Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC
1	Sản xuất các loại máy các loại máy nông nghiệp, lâm nghiệp và các loại máy chuyên dụng. Chi tiết: Sản xuất máy bơm nước, máy rửa áp lực, tổ máy phát điện, tổ máy phát điện biến tần, máy bơm rửa áp lực nước nóng, động cơ xăng thông dụng, máy hàn, máy rửa động cơ điện, máy cắt cỏ, bàn nâng điện tự động, máy sưởi, xe đẩy, xe đẩy dùng cho máy bơm rửa, máy xới, máy khoan đất canh tác, máy cắt tia viên cỏ, máy tách gỗ, máy nén khí, máy rửa áp lực cao, tháp đèn chiếu sáng, máy đầm đất, bình tích điện, máy nghiền gỗ, máy thổi gió, máy cắt cỏ cầm tay, máy dọn cỏ, máy cắt tia cành cây, máy xới và dọn tuyết, máy xới đất cầm tay, máy cưa xích cầm tay	2829/2821 (Chính)
2	Sản xuất bộ chuyển đổi nguồn điện tự động AST, Bộ công tắc chuyển đổi và ổ cắm kết nối điện	2790
3	Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu và quyền phân phối bán buôn hàng hoá	8299

Công ty TNHH công nghệ Ducar đăng ký được áp dụng quy định doanh nghiệp chế xuất.

c) Lý do điều chỉnh:

Sau khi rà soát lại mục tiêu, công ty đã sắp xếp lại các sản phẩm công ty sản xuất theo nhóm ngành cùng chung mã VSIC. Quy trình sản xuất các sản phẩm đã đăng ký không thay đổi so với quy trình trong hồ sơ đăng ký chứng nhận đầu tư gửi Ban quản lý các khu công nghiệp. Đồng thời, theo kế hoạch phát triển kinh doanh nhà đầu tư bổ sung thêm một số sản phẩm “Sản xuất máy cắt cỏ cầm tay, máy dọn cỏ, máy cắt tỉa cành cây, máy xới và dọn tuyết, máy xới đất cầm tay, máy cưa xích cầm tay” thuộc nhóm ngành sản xuất các loại máy các loại máy nông nghiệp, lâm nghiệp và các loại máy chuyên dụng. Quy trình thực hiện được mô tả cụ thể trong văn bản giải trình các nội dung điều chỉnh đính kèm. Nhà đầu tư cam kết thực hiện đầy đủ các quy định, thủ tục liên quan trước khi tiến hành triển khai thực hiện hoạt động sản xuất mục tiêu mới

2. Nội dung điều chỉnh 2: Quy mô dự án

a) Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư:

Quy mô dự án:

- Sản xuất máy bơm nước: 100.000 sản phẩm/năm
- Sản xuất máy rửa áp lực: 200.000 sản phẩm/năm
- Sản xuất tổ máy phát điện: 600.000 sản phẩm/năm
- Sản xuất tổ máy phát điện biến tần: 400.000 sản phẩm/năm
- Sản xuất máy bơm rửa áp lực nước nóng: 100.000 sản phẩm/năm
- Sản xuất động cơ xăng thông dụng: 800.000 sản phẩm/năm
- Sản xuất máy hàn: 150.000 sản phẩm/năm
- Sản xuất máy rửa động cơ điện: 100.000 sản phẩm/năm
- Sản xuất máy cắt cỏ: 400.000 sản phẩm/năm
- Sản xuất bàn nâng điện tự động: 150.000 sản phẩm/năm
- Sản xuất máy tưới: 100.000 sản phẩm/năm
- Sản xuất xe đẩy: 100.000 sản phẩm/năm
- Sản xuất xe đẩy dùng cho máy bơm rửa: 250.000 sản phẩm/năm
- Sản xuất máy xới: 100.000 sản phẩm/năm
- Sản xuất máy khoan đất canh tác: 50.000 sản phẩm/năm
- Sản xuất máy cắt tỉa viền cỏ: 50.000 sản phẩm/năm
- Sản xuất máy tách gỗ: 50.000 sản phẩm/năm
- Sản xuất máy nén khí: 50.000 sản phẩm/năm
- Sản xuất máy rửa áp lực cao: 50.000 sản phẩm/năm
- Sản xuất tháp đèn chiếu sáng: 50.000 sản phẩm/năm
- Sản xuất máy đầm đất: 50.000 sản phẩm/năm

- Sản xuất bình tích điện: 50.000 sản phẩm/năm
- Sản xuất máy nghiền gỗ: 20.000 sản phẩm/năm
- Sản xuất máy thổi gió: 50.000 sản phẩm/năm
- Sản xuất bộ chuyển đổi nguồn điện tự động AST: 5.000 sản phẩm/năm
- Sản xuất bộ công tắc chuyển đổi và ổ cắm kết nối điện: 5.000 sản phẩm/năm
- Doanh thu từ hoạt động thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu và quyền phân phối bán buôn hàng hoá: 105.000.000 USD/năm.

b) Nay đăng ký sửa thành:

Quy mô dự án:

- Sản xuất các loại máy các loại máy nông nghiệp, lâm nghiệp và các loại máy chuyên dụng:

- + Sản xuất máy bơm nước: 100.000 sản phẩm/năm
- + Sản xuất máy rửa áp lực: 200.000 sản phẩm/năm
- + Sản xuất tổ máy phát điện: 600.000 sản phẩm/năm
- + Sản xuất tổ máy phát điện biến tần: 400.000 sản phẩm/năm
- + Sản xuất máy bơm rửa áp lực nước nóng: 100.000 sản phẩm/năm.
- + Sản xuất động cơ xăng thông dụng: 800.000 sản phẩm/năm
- + Sản xuất máy hàn: 150.000 sản phẩm/năm
- + Sản xuất máy rửa động cơ điện: 100.000 sản phẩm/năm
- + Sản xuất máy cắt cỏ: 400.000 sản phẩm/năm
- + Sản xuất bàn nâng điện tự động: 150.000 sản phẩm/năm
- + Sản xuất máy tưới: 100.000 sản phẩm/năm
- + Sản xuất xe đẩy: 100.000 sản phẩm/năm
- + Sản xuất xe đẩy dùng cho máy bơm rửa: 250.000 sản phẩm/năm
- + Sản xuất máy xới: 100.000 sản phẩm/năm
- + Sản xuất máy khoan đất canh tác: 50.000 sản phẩm/năm
- + Sản xuất máy cắt tỉa viền cỏ: 50.000 sản phẩm/năm
- + Sản xuất máy tách gỗ: 50.000 sản phẩm/năm
- + Sản xuất máy nén khí: 50.000 sản phẩm/năm
- + Sản xuất máy rửa áp lực cao: 50.000 sản phẩm/năm
- + Sản xuất tháp đèn chiếu sáng: 50.000 sản phẩm/năm
- + Sản xuất máy đầm đất: 50.000 sản phẩm/năm
- + Sản xuất bình tích điện: 50.000 sản phẩm/năm
- + Sản xuất máy nghiền gỗ: 20.000 sản phẩm/năm

- + Sản xuất máy thổi gió: 50.000 sản phẩm/năm
- + Sản xuất máy cắt cỏ cầm tay: 250.000 sản phẩm/năm.
- + Sản xuất máy dọn cỏ: 150.000 sản phẩm/năm.
- + Sản xuất máy cắt tỉa cành cây: 200.000 sản phẩm/năm.
- + Sản xuất máy xới và dọn tuyết: 200.000 sản phẩm/năm.
- + Sản xuất máy xới đất cầm tay: 150.000 sản phẩm/năm.
- + Sản xuất máy cưa xích cầm tay: 150.000 sản phẩm/năm.
- Sản xuất bộ chuyển đổi nguồn điện tự động AST: 5.000 sản phẩm/năm
- Sản xuất bộ công tắc chuyển đổi và ổ cắm kết nối điện: 5.000 sản phẩm/năm
- Doanh thu từ hoạt động thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu và quyền phân phối bán buôn hàng hoá: 105.000.000 USD/năm

c) Lý do điều chỉnh:

Căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh doanh của nhà đầu tư, đồng thời đáp ứng nhu cầu của khách hàng Nhà đầu tư quyết định bổ sung thêm một số sản phẩm “Sản xuất máy cắt cỏ cầm tay, máy dọn cỏ, máy cắt tỉa cành cây, máy xới và dọn tuyết, máy xới đất cầm tay, máy cưa xích cầm tay”. Công ty mua máy móc thiết bị bổ sung từ nguồn vốn huy động tăng thêm của dự án. Nhà đầu tư cam kết máy móc thiết bị đảm bảo quy mô công suất đã đăng ký, đảm bảo khả năng tài chính để thực hiện dự án đầu tư và thực hiện đầy đủ các quy định, thủ tục liên quan trước khi thực hiện mục tiêu mới.

3. Nội dung điều chỉnh 3: Tổng vốn đầu tư của dự án đầu tư

a) Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư:

Tổng vốn đầu tư của dự án: 190.435.000.000 (*Một trăm chín mươi tỷ, bốn trăm ba mươi lăm triệu*) đồng, tương đương 8.000.000 (*Tám triệu*) đô la Mỹ, bao gồm:

- Vốn đầu tư đăng ký lần đầu là: 116.635.000.000 (*Một trăm mười sáu tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu*) đồng, tương đương 5.000.000 (*Năm triệu*) đô la Mỹ.
- Vốn đầu tư đăng ký bổ sung cho ngày 20/11/2023: 73.800.000.000 đồng, tương đương 3.000.000 đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là: 116.635.000.000 (*Một trăm mười sáu tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu*) đồng, tương đương 5.000.000 (*Năm triệu*) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 61,2% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

S TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			
1	CÔNG TY HỮU HẠN CHẾ TẠO THIẾT BỊ ĐỘNG LỰC ĐẠI GIANG TRÙNG KHÁNH	116.635.000.000	5.000.000	100	Bằng tiền	Nhà đầu tư đã góp đủ

Vốn huy động: 73.800.000.000 (*Bảy mươi ba tỷ, tám trăm triệu*) đồng, tương đương 3.000.000 (*Ba triệu*) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 38,8% tổng vốn đầu tư

b) Nay đăng ký sửa thành:

Tổng vốn đầu tư của dự án: 363.517.000.000 (*Ba trăm sáu mươi ba tỷ, năm trăm mười bảy triệu*) đồng, tương đương 15.000.000 (*Mười lăm triệu*) đô la Mỹ, bao gồm:

- Vốn đầu tư đăng ký lần đầu là: 116.635.000.000 (*Một trăm mười sáu tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu*) đồng, tương đương 5.000.000 (*Năm triệu*) đô la Mỹ.

- Vốn đầu tư đăng ký bổ sung ngày 20/11/2023: 73.800.000.000 (*Bảy mươi ba tỷ, tám trăm triệu*) đồng, tương đương 3.000.000 (*Ba triệu*) đô la Mỹ

- Vốn đầu tư đăng ký bổ sung cho lần điều chỉnh lần thứ chín: 173.082.000.000 (*Một trăm bảy mươi ba tỷ, không trăm tám mươi hai triệu*) đồng, tương đương 7.000.000 (*Bảy triệu*) đô la Mỹ. (*Căn cứ theo tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ của Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố áp dụng cho ngày 28/02/2025 là 1 USD = 24.726 VND*)

Trong đó vốn góp để thực hiện dự án là: 116.635.000.000 (*Một trăm mười sáu tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu*) đồng, tương đương 5.000.000 (*Năm triệu*) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 33,3% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			
1	CÔNG TY HỮU HẠN CHẾ TẠO THIẾT BỊ ĐỘNG LỰC ĐẠI GIANG TRÙNG KHÁNH	116.635.000.000	5.000.000	100	Bằng tiền	Nhà đầu tư đã góp đủ

Vốn huy động: 246.882.000.000 (Hai trăm bốn mươi sáu tỷ, tám trăm tám mươi hai triệu) đồng, tương đương 10.000.000 (Mười triệu) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 66,7% tổng vốn đầu tư, được thực hiện theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư.

c. Lý do điều chỉnh:

Căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh doanh của nhà đầu tư, đồng thời đáp ứng nhu cầu của khách hàng, nhà đầu tư quyết định tăng thêm tổng vốn đầu tư với giá trị 173.082.000.000 đồng, tương đương 7.000.000 đô la Mỹ từ nguồn vốn huy động của nhà đầu tư, nhằm thuê thêm nhà xưởng, mua thêm máy móc, thiết bị để bổ sung mục tiêu dự án đầu tư, đồng thời tăng thêm vốn lưu động để thực hiện dự án. Nhà đầu tư cam kết thực hiện đầy đủ các quy định, thủ tục liên quan trước khi thực hiện mục tiêu mới.

4. Nội dung điều chỉnh 4: Điều chỉnh thông tin địa điểm thực hiện dự án

a) Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư:

Địa điểm thực hiện dự án:

- Địa điểm 01: Nhà xưởng G7 tại lô đất CN14 phân khu phía Đông, khu công nghiệp Phú Thái, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Địa điểm 02: Nhà xưởng F3 tại lô đất CN8, CN9 phân khu phía Đông, khu công nghiệp Phú Thái, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Địa điểm 03: Nhà xưởng F1 tại lô đất CN6, CN7, CN8 phân khu phía Đông, khu công nghiệp Phú Thái, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

** Chủ sở hữu nhà xưởng G7, F3, khu F1: Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài.*

b) Nay đăng ký sửa thành:

- Địa điểm 01: Nhà xưởng G7 tại lô đất CN14 phân khu phía Đông, khu công nghiệp Phú Thái, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;

- Địa điểm 02: Nhà xưởng F3 tại lô đất CN8, CN9 phân khu phía Đông, khu công nghiệp Phú Thái, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;

- Địa điểm 03: Nhà xưởng F1 tại lô đất CN6, CN7, CN8 phân khu phía Đông, khu công nghiệp Phú Thái, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Địa điểm 04: Nhà xưởng G4 tại lô đất CN11, CN12 phân khu phía Đông, khu công nghiệp Phú Thái, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

** Chủ sở hữu nhà xưởng G7, F3, khu F1, G4: Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài.*

c) Lý do điều chỉnh:

Căn cứ vào hợp đồng thuê nhà xưởng số 01/NT-DUCAR/2024 ngày 23/7/2024 giữa Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài và Công ty TNHH công nghệ Ducar. Để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án đầu tư do thuê thêm nhà xưởng G4 tại lô đất CN11, CN12 phân khu phía Đông, khu công nghiệp Phú Thái, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các thủ tục liên quan và quy định hiện hành trước khi đưa vào sử dụng.

5. Nội dung điều chỉnh 5: Điều chỉnh thông tin diện tích nhà xưởng sử dụng

a) Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư:

Diện tích nhà xưởng sử dụng:

- Địa điểm 01: Diện tích nhà xưởng G7 là: 4.928 m²

- Địa điểm 02: Diện tích nhà xưởng F3 là: 10.080 m²

- Địa điểm 03: Diện tích nhà xưởng F1 là: 15.600 m²

b) Nay đăng ký sửa thành:

Diện tích nhà xưởng sử dụng:

- Địa điểm 01: Diện tích nhà xưởng G7: 4.928 m²; Đường nội bộ: 1.586 m²; Dải cây xanh 1.901 m².

- Địa điểm 02: Diện tích nhà xưởng F3: 10.080 m²; Đường nội bộ: 3.976 m²; Dải cây xanh 3.558 m².

- Địa điểm 03: Diện tích nhà xưởng F1: 15.600 m²; Đường nội bộ: 6.060 m²; Dải cây xanh 6.876,4 m².

- Địa điểm 04: Diện tích nhà xưởng G4: 19.650 m²; Đường nội bộ: 2.951 m²; Dải cây xanh 4.181 m².

c) Lý do điều chỉnh:

Nhà đầu tư bổ sung thông tin diện tích nhà xưởng sử dụng địa điểm 04.

6. Nội dung điều chỉnh 6: Thời hạn hoạt động của dự án

a) Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư:

Thời hạn hoạt động của dự án:

- Địa điểm 01 và địa điểm 02: Thời hạn hoạt động của dự án đến ngày 31 tháng 01 năm 2029.

- Địa điểm 03: Thời hạn hoạt động của dự án đến ngày 20 tháng 01 năm 2028.

b) Nay đăng ký sửa thành:

Thời hạn hoạt động của dự án:

- Địa điểm 01 và địa điểm 02: Thời hạn hoạt động của dự án đến ngày 31 tháng 01 năm 2029.

- Địa điểm 03: Thời hạn hoạt động của dự án đến ngày 20 tháng 01 năm 2028.

- Địa điểm 04 (Nhà xưởng G4 tại lô đất CN11, CN12 phân khu phía Đông, khu công nghiệp Phú Thái, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương): Kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh lần thứ chín đến ngày 30 tháng 11 năm 2029.

c) Lý do điều chỉnh:

Căn cứ vào Hợp đồng thuê nhà xưởng số 01/NT-DUCAR/2023 ngày 12/01/2023 (Nhà xưởng F1 tại lô đất CN6, CN7, CN8 phân khu phía Đông, khu công nghiệp Phú Thái, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương); Hợp đồng thuê nhà xưởng số 02/NT-DUCAR/2023 ngày 15/8/2023 (Nhà xưởng F3, lô đất CN8, CN9 phân khu phía Đông, khu công nghiệp Phú Thái, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương); Hợp đồng thuê nhà xưởng số 03/NT-DUCAR/2023 ngày 15/8/2023 (Nhà xưởng G7, lô đất CN14 phân khu phía Đông, khu công nghiệp Phú Thái, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương), Hợp đồng thuê nhà xưởng số 01/NT-DUCAR/2024 ngày 23/7/2024 (Nhà xưởng G4 tại lô đất CN11, CN12 phân khu phía Đông, khu công nghiệp Phú Thái, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương) giữa Công ty TNHH quốc tế Nam Tài và Công ty TNHH công nghệ Ducar. Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh thời hạn hoạt động dự án phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh và phát triển của dự án.

7. Nội dung điều chỉnh 7: Tiến độ thực hiện dự án

a) Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư:

a1) Tiến độ góp vốn và dự kiến huy động các nguồn vốn:

- Vốn góp để thực hiện dự án là: 116.635.000.000 đồng, tương đương 5.000.000 đô la Mỹ; Nhà đầu tư đã góp đủ.

- Vốn huy động: 73.800.000.000 đồng, tương đương 3.000.000 đô la Mỹ. Nhà đầu tư thực hiện theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư.

a2) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa vào hoạt động hoặc khai thác, vận hành:

a2.1) Tiến độ thực hiện dự án đã đăng ký:

- Hoàn thành các thủ tục về đầu tư và doanh nghiệp: Tháng 11/2018

- Hoàn thành các thủ tục về PCCC, môi trường và cải tạo nhà xưởng: Từ tháng 12/2018 đến tháng 9/2019.

- Nhập khẩu và lắp đặt máy móc, thiết bị: Từ tháng 12/2018 đến tháng 9/2019.

- Tuyển dụng và đào tạo công nhân: Từ tháng 01/2019 đến tháng 9/2019.

- Vận hành thử nghiệm và đi vào hoạt động sản xuất chính thức: Từ tháng 3/2019 đến tháng 10/2019.

a2.2) Tiến độ đăng ký đối với địa điểm nhà xưởng 5,6 thuộc lô 1+2+3 phân khu phía Tây, khi công nghiệp Phú Thái:

- Hoàn thành thủ tục về đầu tư: Tháng 7/2021.

- Hoàn thành thủ tục về PCCC, môi trường, cải tạo nhà xưởng; lắp đặt máy móc, thiết bị; sản xuất thử và đi vào hoạt động chính thức: Từ tháng 8/2021 đến tháng 10/2021.

- Chấm dứt hoạt động từ tháng 5/2023

a2.3) Tiến độ đăng ký đối với địa điểm nhà xưởng khu F1, lô đất CN6, CN7, CN8 phân khu phía Đông, khu công nghiệp Phú Thái:

- Hoàn thành thủ tục về đầu tư: Tháng 11/2023.

- Hoàn thành thủ tục về PCCC, môi trường, cải tạo nhà xưởng; lắp đặt máy móc, thiết bị; đi vào hoạt động chính thức: Từ tháng 11/2023 đến tháng 2/2024.

b) Nay đăng ký sửa thành:

b1) Tiến độ góp vốn và dự kiến huy động các nguồn vốn:

- Vốn góp để thực hiện dự án là: 116.635.000.000 đồng, tương đương 5.000.000 đô la Mỹ; Nhà đầu tư đã góp đủ

- Vốn huy động: 246.882.000.000 đồng, tương đương 10.000.000 đô la Mỹ, được thực hiện theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư.

b2) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa vào hoạt động hoặc khai thác, vận hành:

b2.1) Tiến độ thực hiện dự án đã đăng ký:

- Hoàn thành các thủ tục về đầu tư và doanh nghiệp: Tháng 11/2018

- Hoàn thành các thủ tục về PCCC, môi trường và cải tạo nhà xưởng: Từ tháng 12/2018 đến tháng 9/2019.

- Nhập khẩu và lắp đặt máy móc, thiết bị: Từ tháng 12/2018 đến tháng 9/2019.

- Tuyển dụng và đào tạo công nhân: Từ tháng 01/2019 đến tháng 9/2019.

- Vận hành thử nghiệm và đi vào hoạt động sản xuất chính thức: Từ tháng 3/2019 đến tháng 10/2019.

b2.2) Tiến độ đăng ký đối với địa điểm nhà xưởng 5,6 thuộc lô 1+2+3 phân khu phía Tây, khu công nghiệp Phú Thái:

- Hoàn thành thủ tục về đầu tư: Tháng 7/2021.

- Hoàn thành thủ tục về PCCC, môi trường, cải tạo nhà xưởng; lắp đặt máy móc, thiết bị; sản xuất thử và đi vào hoạt động chính thức: Từ tháng 8/2021 đến tháng 10/2021.

- Chấm dứt hoạt động từ tháng 5/2023

b2.3) Tiến độ đăng ký đối với địa điểm nhà xưởng khu F1, lô đất CN6, CN7, CN8 phân khu phía Đông, khu công nghiệp Phú Thái:

- Hoàn thành thủ tục về đầu tư: Tháng 11/2023.

- Hoàn thành thủ tục về PCCC, môi trường; Lắp đặt máy móc, thiết bị: Từ tháng 11/2023 đến tháng 7/2025.

- Vận hành thử nghiệm và đi vào hoạt động sản xuất chính thức: Từ tháng 9/2024 đến tháng 7/2025.

b2.4) Tiến độ đăng ký đối với địa điểm nhà xưởng G4 tại lô đất CN11, CN12 phân khu phía Đông, khu công nghiệp Phú Thái:

- Hoàn thành thủ tục về đầu tư: Quý II/2025.

- Hoàn thành thủ tục về PCCC, môi trường, cải tạo nhà xưởng; Lắp đặt máy móc, thiết bị; Đi vào hoạt động chính thức: Từ quý II/2025 đến quý IV/2025.

c) Lý do điều chỉnh:

Nhà đầu tư đăng ký lại tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn.

Đối với phần dự án đăng ký bổ sung vốn đầu tư ngày 20/11/2023, do trên thực tế nhà xưởng F1 lô đất CN6, CN7, CN8 phân khu phía Đông, KCN Phú Thái công ty không cải tạo và sửa chữa nên công ty đăng ký điều chỉnh lại. Do tiến độ triển khai thực tế về thực hiện các thủ tục về môi trường tại nhà xưởng F1 bị chậm so với tiến độ đăng ký trên giấy chứng nhận đầu tư. Do đó, công ty đăng ký điều chỉnh lại tiến độ thực hiện dự án tại nhà xưởng F1 cho phù hợp với tình hình thực hiện thực tế của dự

án đầu tư. Công ty cam kết đến tháng 7/2025 sẽ hoàn thành xong thủ tục về môi trường và đưa vào vận hành sản xuất chính thức.

Nhà đầu tư đề nghị bổ sung tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động cho phần mục tiêu đăng ký mới “Sản xuất máy cắt cỏ cầm tay, máy dọn cỏ, máy cắt tỉa cành cây, máy xới và dọn tuyết, máy xới đất cầm tay, máy cưa xích cầm tay” thực hiện tại địa điểm thực hiện dự án số 04.

8. Giải trình các nội dung khác liên quan đến nội dung điều chỉnh

8.1. Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn đầu tư và cơ cấu phân bổ tổng vốn đầu tư:

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, Nhà đầu tư quyết định tăng thêm tổng vốn đầu tư với giá trị là 7.000.000 USD để thuê thêm nhà xưởng và đăng ký mua thêm máy móc thiết bị thực hiện mục tiêu sản xuất mới. Nhà đầu tư xin được đăng ký phân bổ lại cơ cấu tổng vốn đầu tư của dự án như sau:

Bảng cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

TT	Nội dung	Vốn đăng ký (USD)	Giá trị thay đổi (USD)	Vốn đăng ký điều chỉnh (USD)
1	Vốn góp	5.000.000	0	5.000.000
2	Vốn vay	3.000.000	7.000.000	10.000.000
3	Tổng vốn đầu tư	8.000.000	7.000.000	15.000.000

Bảng cơ cấu vốn tổng đầu tư của dự án:

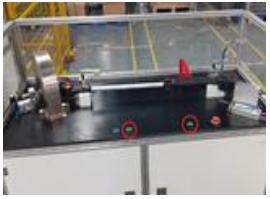
TT	Nội dung	Vốn đã đăng ký (USD)	Giá trị tăng/giảm so với đăng ký (USD)	Vốn đăng ký điều chỉnh (USD)
I	Vốn cố định	6.064.500	6.000.000	8.079.557
1	Tiền thuê nhà xưởng + chi phí cải tạo nhà xưởng	793.155	940.000	1.733.155
2	Máy móc thiết bị sản xuất, thiết bị văn phòng	4.719.331	1.015.057	5.734.388
3	Phương tiện vận tải	552.014	60.000	612.014
4	Chi phí cố định khác	0	3.984.943	3.984.943
II	Vốn lưu động	1.935.500	1.000.000	2.935.500
I + II	Tổng cộng	8.000.000	7.000.000	15.000.000

* Tất cả các số liệu trên được căn cứ tại chứng từ, sổ sách kế toán của Công ty. Công ty cam đoan các số liệu báo cáo trên là đúng theo thực tế và sẽ chịu trách nhiệm về các số liệu báo cáo của mình trước cơ quan có thẩm quyền.

8.2. Sản xuất máy cắt cỏ cầm tay

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT MÁY CẮT CỎ CẦM TAY

STT	Lưu trình công nghệ	Tên linh kiện	Thiết bị	Hình ảnh
1	Lắp ráp tổ hợp motor	1. Motor 2. Cánh quạt 3. Vít M4 4. Cánh quạt	Dụng cụ cố định, đầu súng 13	
2	Hàn dây điện	1. Tổ hợp motor, 2. Ống nhôm 3. Miếng cố định 4. Dây lò xo 5. Ống co dẫn 6. Ổ cắm 7. Công tắc lưới gà 8. Dây dẫn tron g *2	Máy khò, mỏ hàn thiếc, dụng cụ cố định	
3	Lắp ráp vỏ	1. Vỏ kết nối trái, phải 2. Tổ hợp ống nhôm, 3. Núm ấn 4. Lò xo 5. Vít * 5	Đầu súng chữ thập	

4	Lắp ráp vỏ trái, phải	1. Vỏ máy trái 2. Vỏ máy phải 3. Vít *5	Đầu súng chữ thập	 
5	Lắp ráp tay cầm trái, phải	1. Tay cầm trái 2. Tay cầm phải 3. Cò súng 4. Nút chống tự khóa 5. Ổ cắm 6. Công tắc lưỡi gà, 7. Nút ấn trên 8. Nút ấn dưới 9. Lò xo 10. Vít*10	Đầu súng chữ thập	  
6	Lắp ráp chốt khóa	1. Khóa tay cầm, 2. Chốt khóa 3. Chốt	Dụng cụ ép	
7	Thử nghiệm	Toàn bộ máy được kiểm tra thử nghiệm theo nội dung của biểu kiểm tra	Thiết bị kiểm tra tổng hợp	
8	Vệ sinh ngoại quan		Chất tẩy rửa, giấy lau	

9	Phụ kiện đóng gói	1. Túi nhựa tự dính 2. Túi nhựa đóng gói 3. Phụ kiện (sách hướng dẫn)		
10	Đóng gói toàn bộ máy	1. Thùng carton 2. Băng dính trong suốt	Máy đóng gói	

*** Thuyết minh lưu trình sản xuất:**

Bước 1: Lắp ráp tổ hợp motor

Bước 2: Hàn dây điện

Bước 3: Lắp ráp vỏ

Bước 4: Lắp ráp vỏ trái, phải

Bước 5: Lắp ráp tay cầm trái, phải

Bước 6: Lắp ráp chốt khóa

Bước 7: Thử nghiệm

Bước 8: Vệ sinh ngoại quan

Bước 9: Phụ kiện đóng gói

Bước 10: Đóng gói toàn bộ máy

HÌNH ẢNH, NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG, CÔNG NĂNG MÁY CẮT CỎ CẦM TAY

Hình ảnh sản phẩm	Nguyên lý máy	Công năng/tính năng
	Máy nông nghiệp, lâm nghiệp và làm vườn chuyển đổi năng lượng điện thành năng lượng cơ học để điều khiển sợi dây cắt cỏ quay nhanh để đạt được hiệu quả cắt cỏ.	Máy cắt cỏ dùng để cắt bãi cỏ phẳng và cỏ dại. Nó có chức năng cắt ngang và có thể điều chỉnh độ cao giúp bãi cỏ đẹp và gọn gàng. Nó còn có thể dọn sạch cỏ dại và bảo vệ môi trường phát triển của cây trồng

**BẢNG NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU ĐỂ SẢN XUẤT
MÁY CẮT CỎ CẦM TAY**

TT	Tên nguyên phụ liệu	Đơn vị tính	Dự tính lượng dùng 1 năm	Xuất xứ
1	Lưỡi dao	pcs	250.000	TQ
2	Vít	pcs	7.500.000	TQ
3	Chụp bảo vệ	pcs	250.000	VN
4	Nắp dưới đầu cắt cỏ	pcs	250.000	VN
5	Dây quần	pcs	250.000	TQ
6	Khối cân bằng	pcs	250.000	TQ
7	Khối đối trọng	pcs	1.250.000	TQ
8	Cánh quạt đầu cắt cỏ	pcs	250.000	VN
9	Cao su giảm xóc	pcs	250.000	TQ
10	Tấm đỡ động cơ	pcs	250.000	VN
11	Vỏ máy (2 màu)	pcs	250.000	VN
12	Cao su động cơ	pcs	500.000	TQ
13	Lò xo	pcs	750.000	TQ
14	Mắt dây	pcs	250.000	TQ
15	Tổ hợp bộ khởi động	pcs	250.000	VN
16	Vỏ máy (2 màu)	pcs	250.000	VN
17	Chụp trang trí	pcs	250.000	VN
18	Dây thép bảo vệ	pcs	250.000	TQ
19	Ống co duỗi tròn	pcs	250.000	VN
20	Dây lò xo	pcs	250.000	TQ
21	Ống bảo vệ dây	pcs	250.000	TQ
22	Con trượt	pcs	250.000	TQ
23	Miếng cố định	pcs	250.000	TQ
24	Chốt khóa	pcs	250.000	TQ
25	Khóa cao su	pcs	250.000	TQ
26	Bọc cao su	pcs	250.000	TQ
27	Chốt	pcs	250.000	TQ

TT	Tên nguyên phụ liệu	Đơn vị tính	Dự tính lượng dùng 1 năm	Xuất xứ
28	Tay cầm	pcs	750.000	VN
29	Tay cầm phụ	pcs	250.000	TQ
30	Nút điều chỉnh tay cầm	pcs	500.000	VN
31	Cò ga	pcs	250.000	TQ
32	Công tắc lưỡi gà	pcs	250.000	TQ
33	Tổ hợp dây dẫn trong	pcs	250.000	TQ
34	Lò xo chống tự khóa	pcs	250.000	TQ
35	Nút chống tự khóa	pcs	250.000	TQ
36	Tấm chân trái	pcs	250.000	VN
37	Tấm PCB	pcs	250.000	TQ
38	Chân cắm	pcs	250.000	TQ
39	Tấm chân phải	pcs	250.000	VN
40	Đóng gói	pcs	250.000	VN

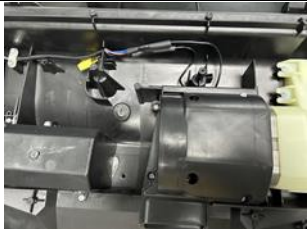
8.3. Sản xuất máy dọn cỏ:

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT MÁY DỌN CỎ

STT	Lưu trình công nghệ	Tên linh kiện	Thiết bị	Hình ảnh
1	Lắp ráp tổ hợp dao xới đất	1. Ống lót dao dài 2. Lưỡi dao 3. Nắp vòng bi 4. Phe gài	Kìm mở phanh	
2	Lắp ráp tổ hợp dao dọn cỏ	1. Lò xo xoắn ốc 2. Gối đỡ vòng bi 3. Vòng bi 4. Lò xo xoắn ốc 5. Bánh cào cỏ 6. Tấm ép bánh cào cỏ 7. Giá đỡ bánh cào	Kìm mở phanh	

		cỏ 8. Phe gài		
3	Lắp ráp tổ hợp motor	1. Stator, rotor 2. Ròng rọc truyền động to 3. Ròng rọc truyền động nhỏ 4. Ròng rọc giữa 5. Vòng bi 6. Chốt ròng rọc 7. Trục đầu ra trục khuỷu 8. Ống lót 9. Giá đỡ 10. Cánh quạt 11. Đai ốc 12. Phe gài chữ C 13. Dây đai *2	Dụng cụ cố định	 
4	Lắp ráp tổ hợp công tắc	1. Nắp trên, dưới hộp công tắc 2. Dây điện 3. Nút ấn, 4. Lò xo nút ấn 5. Lò xo xoay 6. Vít	Đầu súng chữ thập	

5	Tổ hợp ống cong trên	1. Ống cong trên 2. Tổ hợp công tắc 3. Nắp trên hộp công tắc trái, phải 4. Cần ga 5. Tấm ép hộp công tắc 6. Vít	Đầu súng chữ thập	
6	Lắp ráp tổ hợp trục bánh xe trước và trục bánh xe sau	1. Trục bánh xe trước 2. Trục bánh xe sau 3. Bánh xe trước 4. Bánh xe sau, 5. Giá đỡ điều chỉnh độ cao 6. Vòng đệm phẳng 7. Chốt hãm 8. Bánh xe trước 9. Bánh xe sau 10. Nắp bánh trước 11. Nắp bánh sau	Đầu súng chữ thập, Kim	
7	Lắp ráp đế giá đỡ ống cong và tấm đế	1. Đế giá đỡ ống cong 2. Khối đối trọng 3. Dai ốc 4. Vít	Đầu súng chữ thập	
8	Lắp ráp tổ hợp motor và tấm đế	1. Tổ hợp motor 2. Vít 3. Nắp motor	Đầu súng chữ thập	

9	Lắp ráp tổ hợp ống cong trên và tấm đế (Nối dây điện)	1.Tấm đế 2. Tổ hợp ống cong trên 3.Ống co nhiệt	Không	
10	Tổ hợp nắp trên	1. Nắp trên 2. Nắp sau 3. Nắp đỉnh 4. Nắp trang trí	Đầu súng chữ thập	
11	Nắp trên và Tổ hợp tấm đế	1.Tổ hợp nắp trên 2. Tấm đế 3. Vít	Đầu súng chữ thập	
12	Lắp ráp nắp sau	1. Tổ hợp tấm đế 2.Tấm nắp sau 3.Lò xo nắp sau 4. Tấm cố định lò xo	Không	
13	Lắp ráp tay cầm điều chỉnh độ cao	1. Tay cầm điều chỉnh độ cao trái, phải 2. Vít	Đầu súng chữ thập	
14	Lắp ráp Tổ hợp dao và Tấm đế	1. Tổ hợp dao 2.Tổ hợp đế tháo nhanh 3.Vít	Đầu súng chữ thập	

15	Thử nghiệm	Toàn bộ máy được kiểm tra thử nghiệm theo nội dung của biểu kiểm tra		
16	Vệ sinh ngoại quan		Chất tẩy rửa, giấy lau	
17	Phụ kiện đóng gói	1. Túi nhựa tự dính 2. Túi nhựa đóng gói 3. Phụ kiện (sách hướng dẫn)		
18	Đóng gói toàn bộ máy	1. Thùng carton 2. Băng dính trong suốt	Máy đóng gói	

*** Thuyết minh lưu trình sản xuất:**

Bước 1: Lắp ráp tổ hợp dao xới đất

Bước 2: Lắp ráp tổ hợp dao dọn cỏ

Bước 3: Lắp ráp tổ hợp motor

Bước 4: Lắp ráp tổ hợp công tắc

Bước 5: Tổ hợp ống cong trên

Bước 6: Lắp ráp tổ hợp trục bánh xe trước và trục bánh xe sau

Bước 7: Lắp ráp đế giá đỡ ống cong và tấm đế

Bước 8: Lắp ráp tổ hợp motor và tấm đế

Bước 9: Lắp ráp tổ hợp ống cong trên và tấm đế (Nối dây điện)

Bước 10: Tổ hợp nắp trên

Bước 11: Nắp trên và Tổ hợp tấm đế

Bước 12: Lắp ráp nắp sau

Bước 13: Lắp ráp tay cầm điều chỉnh độ cao

Bước 14: Lắp ráp Tổ hợp dao và Tấm đế

Bước 15: Thử nghiệm

Bước 16: Lắp ráp tổ hợp motor

Bước 17: Phụ kiện đóng gói

Bước 18: Đóng gói toàn bộ máy

HÌNH ẢNH, NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG, CÔNG NĂNG MÁY DỌN CỎ

TT	Hình ảnh sản phẩm	Nguyên lý máy	Công năng/tính năng
1		Máy nông nghiệp, lâm nghiệp và làm vườn chuyên đổi năng lượng điện thành năng lượng cơ học, dẫn động dao cắt quay và tạo ra động năng cơ học mạnh, tác động lên bãi cỏ để đạt được hiệu quả thông khí thêm ôxy cho bãi cỏ và thu gom cỏ chết.	Bên trong máy dọn cỏ có một thiết bị xoay dọc để bảo trì bãi cỏ. Nó cào bãi cỏ và loại bỏ cỏ chết, rêu và cỏ dại. Cải thiện tính thấm của đất và khả năng thấm nước, thúc đẩy sự phát triển của cỏ, làm cho bãi cỏ khỏe và đẹp hơn, kéo dài tuổi thọ của bãi cỏ và cải thiện chất lượng tổng thể của bãi cỏ.

BẢNG NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU ĐỂ SẢN XUẤT MÁY DỌN CỎ

STT	Tên nguyên phụ liệu	Đơn vị tính	Dự tính lượng dùng 1 năm	Xuất xứ
1	Nắp trên	PCS	150.000	VN
2	Nắp sau	PCS	150.000	VN
3	Tấm đế	PCS	150.000	VN
4	Nắp đỉnh	PCS	150.000	VN
5	Bánh xe lớn	PCS	300.000	VN
6	Bánh xe bé	PCS	300.000	VN
7	Nắp trên hộp công tắc bên phải	PCS	150.000	TQ
8	Nắp dưới hộp công tắc bên phải	PCS	150.000	TQ
9	Tấm ép hộp công tắc	PCS	150.000	TQ
10	Cần liên động công tắc	PCS	300.000	TQ
11	Nút công tắc	PCS	150.000	TQ
12	Nắp trang trí	PCS	150.000	TQ

13	Nắp dưới motor	PCS	150.000	TQ
14	Nắp trên motor	PCS	150.000	TQ
15	Cánh quạt	PCS	150.000	TQ
16	Nắp che hộp dây đai	PCS	150.000	TQ
17	Giá đỡ sau motor	PCS	150.000	TQ
18	Hộp đổi trọng	PCS	150.000	TQ
19	Hộp dây đai	PCS	150.000	TQ
20	Khối khóa ống cong	PCS	300.000	TQ
21	Ống lót dao dài	PCS	3,150.000	TQ
22	Giá đỡ bánh cào cỏ	PCS	1,950.000	TQ
23	Bánh cào cỏ	PCS	1,950.000	TQ
24	Trục bánh trước	PCS	150.000	TQ
25	Ống cong dưới bên phải	PCS	150.000	VN
26	Ống cong dưới bên trái	PCS	150.000	VN
27	Trục dao	PCS	300.000	TQ
28	Lưỡi dao	PCS	1,500.000	TQ
29	Ống cong giữa	PCS	150.000	VN
30	Cần ga công tắc	PCS	150.000	TQ
31	Nắp vòng bi (lỗ lớn)	PCS	300.000	TQ
32	Nắp vòng bi (lỗ nhỏ)	PCS	300.000	TQ
33	Trục đầu ra	PCS	150.000	TQ
34	Trục bánh xe sau	PCS	300.000	TQ
35	Ống lót	PCS	300.000	TQ
36	Lò xo xoắn ốc	PCS	3,600.000	TQ
37	Dây đai	PCS	300.000	TQ
38	Tấm ép dây cáp	PCS	450.000	TQ
39	Núm khóa	PCS	300.000	TQ

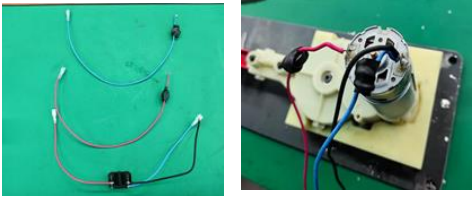
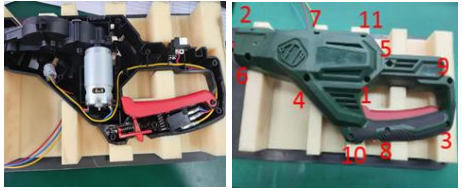
40	Chổi than	PCS	300.000	TQ
41	Lò xo nút ấn	PCS	150.000	TQ
42	Lò xo quay	PCS	150.000	TQ
43	Ròng rọc truyền động nhỏ	PCS	150.000	TQ
44	Tấm cố định lò xo	PCS	300.000	TQ
45	Ổng lót dao ngăn	PCS	300.000	TQ
46	Khối đối trọng	PCS	150.000	TQ
47	Chốt điều chỉnh độ cao	PCS	150.000	TQ
48	Tay cầm điều chỉnh độ cao bên trái	PCS	150.000	TQ
49	Tay cầm điều chỉnh độ cao bên phải	PCS	150.000	TQ
50	Lò xo nắp sau	PCS	300.000	TQ
51	Kẹp nhanh	PCS	600.000	TQ
52	Đai ốc kẹp nhanh	PCS	600.000	TQ
53	Khóa cáp	PCS	300.000	TQ
54	Tấm áp suất tháo nhanh	PCS	150.000	TQ
55	Đế tháo nhanh	PCS	150.000	TQ
56	Gối đỡ vòng bi	PCS	300.000	TQ
57	Nút tháo nhanh	PCS	150.000	TQ
58	Lò xo xoắn điều chỉnh độ cao	PCS	150.000	TQ
59	Thanh nối điều chỉnh độ cao	PCS	150.000	TQ
60	Giá đỡ điều chỉnh độ cao	PCS	150.000	TQ
61	Ổng bảo vệ cáp	PCS	150.000	TQ
62	Dây nguồn	PCS	150.000	TQ
63	Dây nối	PCS	150.000	TQ
64	Chốt ròng rọc	PCS	150.000	TQ
65	Rotor	PCS	150.000	VN
66	Stator	PCS	150.000	VN

67	Ròng rọc truyền động giữa	PCS	150.000	TQ
68	Ròng rọc truyền động to	PCS	150.000	TQ
69	Túi đựng cỏ	PCS	150.000	TQ
70	Giá gom cỏ	PCS	150.000	TQ
71	Lò xo nhỏ	PCS	150.000	TQ
72	Vòng bi	PCS	1.200.000	TQ
73	Công tắc	PCS	150.000	TQ
74	Vít motor	PCS	300.000	TQ
75	Chốt chẻ	PCS	300.000	TQ
76	Vít tự ren đầu tròn chữ thập	PCS	11.250.000	TQ
77	Vít tự ren mặt bích chữ thập	PCS	900.000	TQ
78	Nở	PCS	600.000	TQ
79	Vòng đệm phẳng	PCS	600.000	TQ
80	Bu lông lục giác chìm	PCS	150.000	TQ
81	Vòng đệm phẳng	PCS	600.000	TQ
82	Đai ốc khóa	PCS	350.000	TQ
83	Đai ốc ren ngược	PCS	300.000	TQ
84	Phe gài chữ E	PCS	450.000	TQ
85	Phe gài chữ C	PCS	450.000	TQ
86	Móc treo	PCS	150.000	TQ
87	Bu lông cổ vuông	PCS	600.000	TQ
88	Ống cong trên	PCS	150.000	TQ
89	Vỏ ống cong	PCS	150.000	TQ
90	Đế cố định ống cong	PCS	300.000	TQ
91	Đai ốc	PCS	300.000	TQ
92	Túi PE	PCS	300.000	TQ
93	Thẻ giấy	PCS	600.000	VN

94	Tem	PCS	900.000	VN
95	Sách hướng dẫn	PCS	150.000	VN
96	Thùng carton	PCS	150.000	VN

8.4. Sản xuất máy cắt tỉa cành cây:

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT MÁY CẮT TỈA CÀNH CÂY

STT	Lưu trình công nghệ	Tên linh kiện	Thiết bị	Hình ảnh
1	Lắp ráp tổ hợp motor	1. Motor 2. Bánh răng nhỏ	Dụng cụ cố định	
2	Lắp ráp lưỡi dao	1. Lưỡi dao 2. Bánh răng to 3. Vách ngăn 4. Đai ốc lệch tâm 5. Tấm đế 6. Chốt * 2	Dụng cụ cố định	
3	Lắp ráp tổ hợp bánh răng cưa	1. Tổ hợp motor 2. Tổ hợp lưỡi dao 3. Bánh răng đôi 4. Trục bánh răng đôi 5. Tấm ép 6. Bu lông M6 *2 7. Tấm đệm *2 8. Ống lót *2 9. Vít ST4*16*2	Đầu súng chữ thập	
4	Hàn dây điện	1. Tổ hợp motor 2. Tổ hợp dây dẫn trong 3. Ổ cắm	Máy khò, mỏ hàn thiếc, dụng cụ cố định	
5	Lắp ráp vỏ máy trái, phải	1. Vỏ trái 2. Vỏ phải 3. Cò súng 4. Nút chống tự khóa 5. Lò xo *2 6. Công tắc lưỡi	Đầu súng chữ thập	

		gà 7. Vít * 11		
6	Lắp ráp tay cầm trước	1. Tay cầm trước 2. Cò súng trước 3. Tấm ép trái 4. Tấm ép phải, 5. Lò xo *2 6. Công tắc lưỡi gà 7. Dây dẫn trong, 8. Vít *4	Đầu súng chữ thập	
7	Lắp ráp tay cầm trước và tấm ngăn trước	1. Tổ hợp tay cầm trước 2. Tấm ngăn trước 3. Vít *6	Đầu súng chữ thập	
8	Thử nghiệm	Toàn bộ máy được kiểm tra thử nghiệm theo nội dung của biểu kiểm tra	Thiết bị kiểm tra tổng hợp	
9	Vệ sinh ngoại quan		Chất tẩy rửa, giấy lau	
10	Phụ kiện đóng gói	1. Túi nhựa tự dính 2. Túi nhựa đóng gói 3. Phụ kiện (sách hướng dẫn)		
11	Đóng gói toàn bộ máy	1. Thùng carton 2. Băng dính trong suốt	Máy đóng gói	

*** Thuyết minh lưu trình sản xuất:**

Bước 1: Lắp ráp tổ hợp motor

Bước 2: Lắp ráp lưỡi dao

Bước 3: Lắp ráp tổ hợp bánh răng cưa

Bước 4: Hàn dây điện

Bước 5: Lắp ráp vỏ máy trái, phải

Bước 6: Lắp ráp tay cầm trước

Bước 7: Lắp ráp tay cầm trước và tấm ngăn trước

Bước 8: Thử nghiệm

Bước 9: Vệ sinh ngoại quan

Bước 10: Phụ kiện đóng gói

Bước 11: Đóng gói toàn bộ máy

HÌNH ẢNH, NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG, CÔNG NĂNG MÁY CẮT TỈA CÀNH CÂY

TT	Hình ảnh sản phẩm	Nguyên lý máy	Công năng/tính năng
		Máy nông, lâm nghiệp và làm vườn chuyên đổi năng lượng điện thành năng lượng cơ học và dẫn động hai lưỡi dao trên đầu chuyển động qua lại để đạt được chức năng cắt cành.	Máy cắt tỉa chủ yếu được sử dụng để cắt tỉa cây trong vườn. Chức năng của nó là cắt cành bằng một lưỡi dao sắc. Nó có thể loại bỏ cành chết và cành bị sâu bệnh, điều chỉnh hướng phát triển và mật độ của cành và lá, tạo hình dáng cây đẹp, thúc đẩy cây phát triển khỏe mạnh và nâng cao hiệu quả của cảnh quan sân vườn.

BẢNG NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU ĐỂ SẢN XUẤT MÁY CẮT TỈA CÀNH CÂY

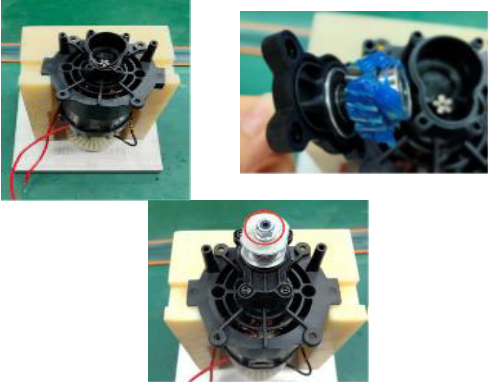
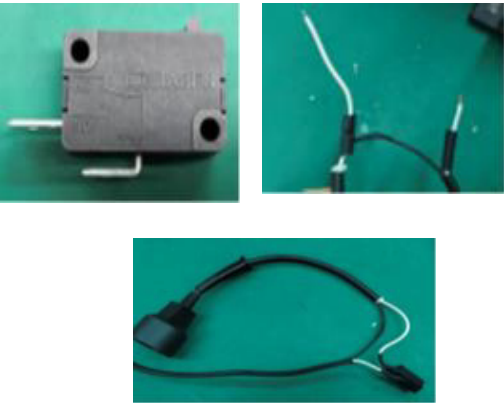
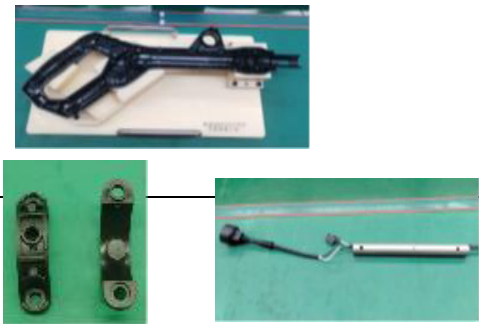
TT	Tên nguyên phụ liệu	Đơn vị tính	Dự tính lượng dùng 1 năm	Xuất xứ
1	Vỏ máy	pcs	200.000	VN
2	Nút ấn	pcs	200.000	TQ
3	Lò xo chống tự khóa	pcs	200.000	TQ
4	Lò xo	pcs	200.000	TQ
5	Cò súng	pcs	200.000	TQ
6	Công tắc lưỡi gà	pcs	200.000	TQ
7	Tổ hợp dây dẫn trong	pcs	200.000	VN

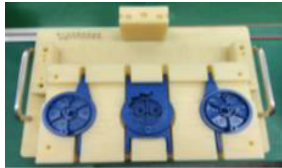
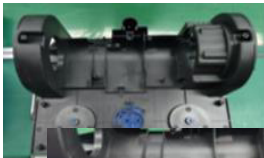
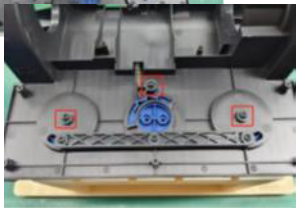
TT	Tên nguyên phụ liệu	Đơn vị tính	Dự tính lượng dùng 1 năm	Xuất xứ
8	Chân cắm	pcs	200.000	TQ
9	Tấm PCB	pcs	200.000	TQ
10	Nắp trên mô tơ	pcs	200.000	TQ
11	Vỏ máy	pcs	200.000	VN
12	Vít	pcs	5600.000	TQ
13	Tay cầm trước	pcs	200.000	TQ
14	Tổ hợp mô tơ	pcs	200.000	VN
15	Bánh răng	pcs	200.000	TQ
16	Hộp số	pcs	200.000	VN
17	Vòng đệm	pcs	400.000	TQ
18	Bánh răng	pcs	200.000	TQ
19	Tấm ép	pcs	400.000	TQ
20	Vòng bi	pcs	400.000	TQ
21	Trục	pcs	200.000	TQ
22	Bánh răng	pcs	200.000	TQ
23	Bánh xe lệch tâm	pcs	400.000	TQ
24	Tổ hợp lưỡi dao	pcs	200.000	VN
25	Tấm ngăn	pcs	200.000	TQ
26	Chốt	pcs	400.000	TQ
27	Vòng đệm	pcs	200.000	TQ
28	Bọc vòng bi	pcs	200.000	TQ
29	Đai ốc	pcs	400.000	TQ

TT	Tên nguyên phụ liệu	Đơn vị tính	Dự tính lượng dùng 1 năm	Xuất xứ
30	Bọc trục	pcs	400.000	TQ
31	Tấm đệm	pcs	400.000	TQ
32	Bu lông	pcs	400.000	TQ
33	Bọc dao	pcs	200.000	TQ
34	Đóng gói	pcs	200.000	VN

8.5. Sản xuất máy xối và dọn tuyết

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT MÁY XỐI VÀ DỌN TUYẾT

STT	Lưu trình công nghệ	Tên linh kiện	Thiết bị	Hình ảnh
1	Lắp ráp tổ hợp motor	1. Motor 2. Tổ hợp bánh răng 3. Nắp hộp bánh răng 4. Ròng rọc truyền động nhỏ	Đầu súng 13, dụng cụ cố định	
2	Lắp ráp dây điện	1. Công tắc 2. Dây nguồn 3. Bọc bảo vệ 4. Dây nối 5. Dây nối 6. Ống co nhiệt *3 7. Dây đồng *1	Máy khò, mỏ hàn thiếc, Máy tán đinh	
3	Lắp ráp tay cầm trái	1. Tay cầm trái 2. Dây điện 3. Tấm ép *2	Đầu súng chữ thập, dụng cụ định vị	

		4. Ống trên 5. Cò súng 6. Lò xo cò súng 7. Nút tự khóa 8. Lò xo nút tự khóa 9. Nút đẩy lên 10. Lò xo nút đẩy lên 11. Nút giới hạn 12. Bảng dây cắm bên trái 13. Bảng dây cắm bên phải 14. Đai ôm cáp		     
4	Lắp ráp tổ hợp tay cầm	1. Tay cầm trái 2. Bọc tay cầm	Đầu súng chữ thập, dụng cụ định vị	 
5	Lắp ráp tấm dẫn hướng tuyết	1. Tấm dẫn hướng tuyết bên trái 2. Tấm dẫn hướng tuyết ở giữa 3. Tấm dẫn hướng tuyết bên phải 4. Thanh nối	Đầu súng chữ thập, dụng cụ định vị	  

		5. Miếng cố định 6. Vỏ máy 7. Lò xo		
6	Lắp ráp xẻng xúc tuyết và tổ hợp motor	1. Xẻng xúc tuyết 2. Nắp dưới motor 3. Tổ hợp motor 4. Nắp trên motor	Đầu súng chữ thập, dụng cụ định vị	    
7	Lắp ráp bánh xe xới tuyết	1. Vòng bi lăn kim 2. Ròng rọc 3. Vòng bi 4. Trụ 5. Vòng đệm phẳng 6. Bánh xe xới tuyết 7. Dây đai Poly-V	Đầu súng chữ thập, dụng cụ định vị	       

8	Lắp ráp toàn bộ máy	1. Tổ hợp tay cầm, 2. Ống dưới, 3. Nắp trên, 4. Tổ hợp thân máy, 5. Tay cầm điều chỉnh, 6. Tấm nắp *2, 7. Nắp trang trí * 2	Đầu súng chữ thập, dụng cụ định vị	
9	Thử nghiệm	Toàn bộ máy được kiểm tra thử nghiệm theo nội dung của biểu kiểm tra	Thiết bị kiểm tra tổng hợp	
10	Vệ sinh ngoại quan		Chất tẩy rửa, giấy lau	
11	Phụ kiện đóng gói	1. Túi nhựa tự dính 2. Túi nhựa đóng gói 3. Phụ kiện (sách hướng dẫn)		
12	Đóng gói toàn bộ máy	1. Thùng carton 2. Băng dính trong suốt	Máy đóng gói	

*** Thuyết minh lưu trình sản xuất:**

Bước 1: Lắp ráp tổ hợp motor

Bước 2: Lắp ráp dây điện

- Bước 3: Lắp ráp tay cầm trái
- Bước 4: Lắp ráp tổ hợp tay cầm
- Bước 5: Lắp ráp tấm dẫn hướng tuyết
- Bước 6: Lắp ráp xẻng xúc tuyết và tổ hợp motor
- Bước 7: Lắp ráp bánh xe xới tuyết
- Bước 8: Lắp ráp toàn bộ máy
- Bước 9: Thử nghiệm
- Bước 10: Vệ sinh ngoại quan
- Bước 11: Phụ kiện đóng gói
- Bước 12: Đóng gói toàn bộ máy

HÌNH ẢNH, NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG, CÔNG NĂNG MÁY XỚI VÀ DỌN TUYẾT

TT	Hình ảnh sản phẩm	Nguyên lý máy	Công năng/tính năng
1		Máy nông nghiệp, lâm nghiệp và làm vườn chuyển đổi năng lượng điện thành năng lượng cơ học và bánh xe xới tuyết được dẫn động bằng cách thông qua hộp số và dây đai giảm tốc Poly-V. Khi di chuyển về phía trước, tuyết phía trước được bánh xe xới tuyết khuấy lên và ném ra xa nhằm mục đích dọn sạch tuyết.	Xẻng xúc tuyết được sử dụng để dọn tuyết. Chức năng của nó là dễ dàng xúc tuyết từ đường, sân và những nơi khác với bề mặt xẻng rộng và kết cấu phù hợp. Nó có thể đảm bảo an toàn khi đi lại, ngăn ngừa tai nạn trượt chân, giúp mọi người đi lại một cách thuận lợi sau tuyết và duy trì trật tự cuộc sống và công việc bình thường. Thích hợp để dọn tuyết trong sân nhà và vườn.

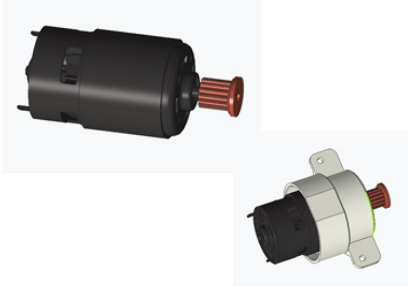
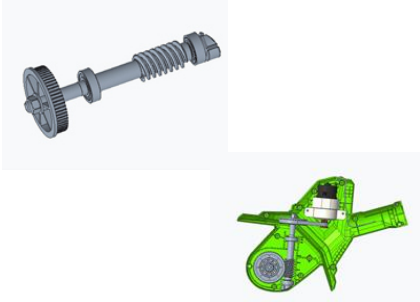
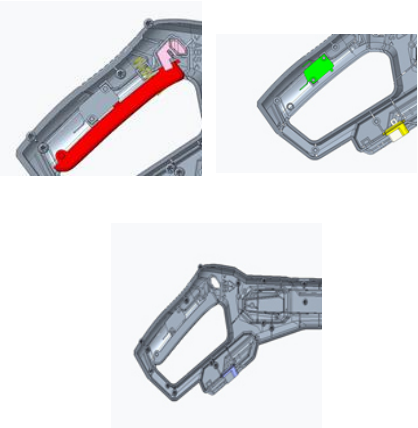
**BẢNG NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU ĐỂ SẢN XUẤT XÓI VÀ
DỌN TUYẾT**

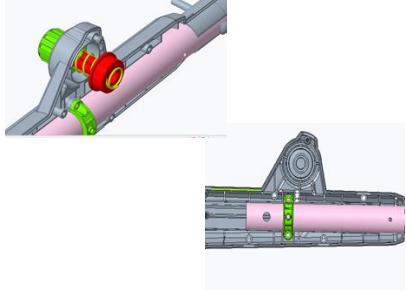
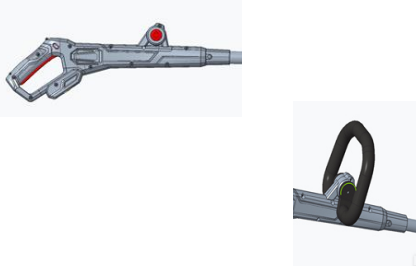
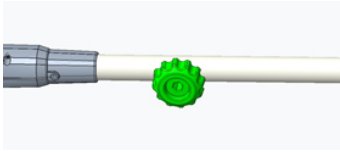
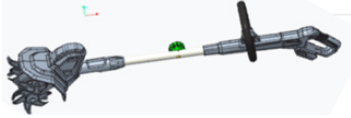
TT	Tên nguyên phụ liệu	Đơn vị tính	Dự tính lượng dùng 1 năm	Xuất xứ
1	Vòng đệm phẳng	PCS	200.000	TQ
2	Vòng bi	PCS	800.000	TQ
3	Bánh quét tuyết	PCS	200.000	VN
4	Tấm dẫn hướng tuyết bên hông	PCS	400.000	VN
5	Tấm dẫn hướng tuyết giữa	PCS	200.000	VN
6	Vít	PCS	15.200.000	TQ
7	Nắp trang trí	PCS	400.000	VN
8	Tấm nắp	PCS	400.000	VN
9	Đai ốc	PCS	1.000.000	TQ
10	Vỏ máy	PCS	200.000	VN
11	Tấm ép	PCS	400.000	TQ
12	Thanh nối	PCS	200.000	TQ
13	Tấm xúc tuyết	PCS	200.000	VN
14	Bu lông	PCS	400.000	TQ
15	Vỏ ống	PCS	200.000	TQ
16	Khối cố định bánh răng	PCS	200.000	TQ
17	Vòng đệm phẳng	PCS	600.000	TQ
18	Lò xo	PCS	600.000	TQ
19	Tấm nắp trên	PCS	200.000	VN
20	Tay cầm điều chỉnh độ cao	PCS	200.000	TQ
21	Trục xúc tuyết	PCS	200.000	TQ
22	Vòng bi lăn kim	PCS	200.000	TQ
23	Bánh xe nhựa	PCS	200.000	VN
24	Dây đai Poly-V	PCS	200.000	TQ
25	Tấm ép cố định	PCS	200.000	TQ
26	Bánh xe nhỏ	PCS	200.000	TQ
27	Nắp hộp số	PCS	200.000	TQ
28	Trục đầu ra	PCS	200.000	TQ
29	Bánh răng	PCS	200.000	TQ
30	Động cơ AC	PCS	200.000	VN

TT	Tên nguyên phụ liệu	Đơn vị tính	Dự tính lượng dùng 1 năm	Xuất xứ
31	Ống thẳng	PCS	200.000	VN
32	Núm vặn	PCS	200.000	TQ
33	Ống cong	PCS	200.000	VN
34	Dây kết nối	PCS	200.000	TQ
35	Tay cầm	PCS	400.000	TQ
36	Bọc tay cầm	PCS	200.000	TQ
37	Giá đỡ ống	PCS	400.000	TQ
38	Nút điều chỉnh tay cầm	PCS	200.000	TQ
39	Nút chống tự khóa	PCS	200.000	TQ
40	Lò xo chống tự khóa	PCS	200.000	TQ
41	Cò ga	PCS	200.000	TQ
42	Công tắc lưỡi gà	PCS	200.000	TQ
43	Nút điều chỉnh tay cầm	PCS	200.000	TQ
44	Bảng dây cầm bên phải	PCS	200.000	TQ
45	Tay cầm phụ	PCS	200.000	TQ
46	Bọc bảo vệ	PCS	200.000	TQ
47	Bảng dây cầm bên trái	PCS	200.000	TQ
48	Dây nguồn	PCS	200.000	VN
49	Chụp trên motor	PCS	200.000	VN
50	Chụp dưới motor	PCS	200.000	VN
51	Đóng gói	PCS	200.000	TQ
52	Hộp đóng gói pin	PCS	200.000	VN
53	Hộp sạc	PCS	200.000	VN
54	Túi nhựa tự dính	PCS	400.000	TQ
55	Hộp màu	PCS	400.000	VN
56	Bìa carton	PCS	1.200.000	VN
57	Decal cảnh báo	PCS	200.000	VN
58	Decal thông số	PCS	200.000	VN
59	Sách hướng dẫn cả máy	PCS	200.000	TQ
60	Sách hướng dẫn bộ sạc	PCS	200.000	TQ

8.6. Sản xuất máy xới đất cầm tay

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT MÁY XỚI ĐẤT CẦM TAY

STT	Lưu trình công nghệ	Tên linh kiện	Thiết bị	Hình ảnh
1	Lắp ráp motor/ Bánh răng/ giá đỡ motor	1. Motor 2. Bánh răng 3. Giá đỡ motor	Đầu súng 13, dụng cụ cố định	
2	Lắp ráp trục vít và lắp vào vỏ máy	1. Bánh răng truyền động to 2. Tua bin 3. Vòng bi 608 4. Vòng bi 6200 5. Vỏ máy trái, phải	Máy ép áp suất khí/Kìm mở phanh	
3	Lắp ráp các bộ phận bên trong của tay cầm trái	1. Công tắc lưỡi gà 2. Cò súng 3. Ổ cắm 4. Nút tự khóa 5. Lò xo nhỏ 6. Tay cầm trái	Đầu súng chữ thập	

4	Lắp ráp ống nối dài/ nút ấn	1. Nút ấn trái/phải 2. Lò xo nút ấn 3. Ống nối dài,	Đầu súng chữ thập	
5	Lắp đặt tay cầm bên phải/tay cầm phụ	1. Vỏ máy bên phải 2. Vít ST4*14 3. Tay cầm phụ	Đầu súng chữ thập	
6	Lắp ráp núm vặn ống nối dài	Núm vặn ống nối dài	Không	
7	Hoàn thành lắp ráp/nhãn dán/kiểm tra thử nghiệm	Nhãn dán	Không	
8	Phụ kiện đóng gói	1. Túi nhựa tự dính 2. Túi nhựa đóng gói 3. Phụ kiện (sách hướng dẫn)		
9	Đóng gói toàn bộ máy	1. Thùng cartor 2. Băng dính trong suốt	Máy đóng gói	

*** Thuyết minh lưu trình sản xuất:**

Bước 1: Lắp ráp motor/ Bánh răng/ giá đỡ motor

Bước 2: Lắp ráp trục vít và lắp vào vỏ máy

Bước 3: Lắp ráp các bộ phận bên trong của tay cầm trái

Bước 4: Lắp ráp ống nối dài/ nút ấn

Bước 5: Lắp đặt tay cầm bên phải/tay cầm phụ

Bước 6: Lắp ráp núm vặn ống nối dài

Bước 7: Hoàn thành lắp ráp/nhãn dán/kiểm tra thử nghiệm

Bước 8: Phụ kiện đóng gói

Bước 9: Đóng gói toàn bộ máy

HÌNH ẢNH, NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG, CÔNG NĂNG MÁY XÓI ĐẤT CẦM TAY

TT	Hình ảnh sản phẩm	Nguyên lý máy	Công năng/tính năng
		Máy nông, lâm nghiệp và làm vườn chuyển đổi năng lượng điện tích trữ thành năng lượng cơ học. Động cơ dẫn động bánh răng trực vít qua dây đai đồng bộ để thực hiện chuyển động giảm tốc thứ cấp nhằm tăng mô-men xoắn lên cụm máy xới. Máy xới quay xuyên qua mặt đất để xới đất và cải tạo đất.	Bên trong máy xới đất có một thiết bị xoay dọc, chủ yếu được sử dụng để xới đất trên các cánh đồng nhỏ. Nó có thể nhanh chóng xới đất và thực hiện các hoạt động như cày, bừa, gieo hạt và bón phân. Nó có thể làm giảm cường độ lao động của nông dân và nâng cao hiệu quả canh tác, phù hợp với nhiều tình huống khác nhau như vườn cây ăn quả, vườn rau và vườn chè.

BẢNG NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU ĐỂ SẢN XUẤT MÁY XÓI ĐẤT CẦM TAY

TT	Tên nguyên phụ liệu	Đơn vị tính	Dự tính lượng dùng 1 năm	Xuất xứ
1	Bảng điều khiển	pcs	150.000	VN

TT	Tên nguyên phụ liệu	Đơn vị tính	Dự tính lượng dùng 1 năm	Xuất xứ
2	Vỏ tay cầm bên trái (vị trí cò súng)	pcs	150.000	VN
3	Vỏ tay cầm bên trái (không có cò súng)	pcs	150.000	VN
4	Vỏ tay cầm bên phải (vị trí cò súng)	pcs	150.000	VN
5	Vỏ tay cầm bên phải (không có cò súng)	pcs	150.000	VN
6	Đai ôm cấp	pcs	450.000	TQ
7	Nút khóa an toàn	pcs	150.000	TQ
8	Cò súng	pcs	150.000	TQ
9	Lò xo cò súng	pcs	150.000	TQ
10	Lò xo nút ấn	pcs	150.000	TQ
11	Cút nối dây điện bắt vít	pcs	150.000	TQ
12	Cần gạt	pcs	300.000	VN
13	Công tắc lưới gà	pcs	150.000	TQ
14	Dây nguồn có phích cắm	pcs	150.000	TQ
15	Dây kết nối motor	pcs	150.000	TQ
16	Dây dẫn trong	pcs	300.000	TQ
17	Vỏ dây nguồn	pcs	150.000	TQ
18	Nắp chụp bánh xe	pcs	300.000	VN
19	Bánh xe	pcs	300.000	VN
20	Kẹp vòng bi	pcs	300.000	TQ
21	Gioăng phẳng	pcs	300.000	TQ
22	Tay cầm	pcs	150.000	VN
23	Nắp motor	pcs	150.000	VN
24	Núm tam giác	pcs	600.000	TQ
25	Bu lông cổ vuông	pcs	600.000	TQ
26	Kẹp dây	pcs	300.000	TQ
27	Bu lông cổ vuông	pcs	600.000	TQ
28	Bu lông bước	pcs	150.000	TQ
29	Lò xo trục bánh	pcs	150.000	TQ
30	Cần gạt xuống	pcs	150.000	VN
31	Cần gạt lên	pcs	150.000	VN
32	Tổ hợp trục bánh	pcs	150.000	TQ
33	Tổ hợp lưới xới	pcs	300.000	TQ

TT	Tên nguyên phụ liệu	Đơn vị tính	Dự tính lượng dùng 1 năm	Xuất xứ
34	Vỏ bảo vệ lưới xối	pcs	150.000	VN
35	Ống nối	pcs	150.000	TQ
36	Bộ bảo vệ dòng điện quá tải	pcs	150.000	TQ
37	Tổ hợp motor	pcs	150.000	VN
38	Sách hướng dẫn		150.000	VN
39	Thẻ treo 1	pcs	150.000	TQ
40	Thẻ treo 2	pcs	150.000	TQ
41	Dây buộc cáp	pcs	300.000	TQ
42	Thùng đóng gói	pcs	150.000	VN
43	Bìa carton	pcs	150.000	VN
44	Tấm đế	pcs	150.000	VN
45	Tem thông số	pcs	150.000	VN
46	Tem cảnh báo	pcs	150.000	VN
47	Tem cảnh báo 2	pcs	150.000	VN
48	Nhãn dán mã QR	pcs	150.000	VN
49	Tem cảnh báo 3	pcs	150.000	VN
50	Thẻ cắm dây nguồn	pcs	150.000	TQ
51	Tem tay cầm	pcs	150.000	VN
52	Vít tự ren	pcs	1800.000	TQ
53	Bu lông	pcs	900.000	TQ
54	Đai ốc	pcs	1.650.000	TQ
55	Vít tự ren	pcs	750.000	TQ
56	Hộp số	pcs	150.000	TQ

8.7. Sản xuất máy cưa xích cầm tay

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT MÁY CƯA XÍCH CẦM TAY

STT	Lưu trình công nghệ	Tên linh kiện	Thiết bị	Hình ảnh
1	Lắp ráp các bộ phận vỏ máy	1. Vỏ máy 2. Tổ hợp motor 3. Tổ hợp bánh răng 4. Tổ hợp công tắc	Công nhân	
2	Lắp ráp vỏ máy	1. Vỏ máy 2. Vít	Vít điện Đầu súng T15 vít Torx	
3	Lắp ráp dây xích	1. Dây xích 2. Tấm dẫn hướng	Công nhân	
4	Nắp hộp xích và thử nghiệm	Hộp chắn xích	Nguồn điện một chiều	

5	Đóng gói cả máy	1. Thùng carton 2. Băng dính trong suốt	Máy đóng gói	
---	-----------------	--	--------------	---

*** Thuyết minh lưu trình sản xuất:**

Bước 1: Lắp ráp các bộ phận vỏ máy

Bước 2: Lắp ráp vỏ máy

Bước 3: Lắp ráp dây xích

Bước 4: Lắp hộp xích và thử nghiệm

Bước 5: Đóng gói cả máy

HÌNH ẢNH, NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG, CÔNG NĂNG MÁY CỬA XÍCH CÀM TAY

TT	Hình ảnh sản phẩm	Nguyên lý máy	Công năng/tính năng
		Máy nông, lâm nghiệp và làm vườn, nguyên lý làm việc của máy cửa xích chủ yếu là cắt vật thể thông qua dây cửa quay tốc độ cao. Xích cửa được trang bị lưỡi cắt hình chữ L, thực hiện hành động cắt thông qua chuyển động ngang của xích cửa để đạt được chức năng cắt.	Máy cửa xích chủ yếu được sử dụng để khai thác gỗ và vật liệu xây dựng, thích hợp cho việc trang trí nhà cửa, cắt tỉa vườn cây ăn quả và các mục đích khác. Máy cửa xích được sử dụng đặc biệt cho các hoạt động phá dỡ tại các địa điểm xảy ra tai nạn thiên tai. Nó có chức năng cắt, cưa và nghiền, phù hợp với nhiều môi trường xây dựng và cứu hộ phức tạp khác nhau.

**BẢNG NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU ĐỂ SẢN XUẤT MÁY CỬA XÍCH
CẦM TAY**

TT	Tên nguyên phụ liệu	Đơn vị tính	Dự tính lượng dùng 1 năm	Xuất xứ
1	Tấm hướng gió	PCS	150.000	TQ
2	Dây xích	PCS	150.000	TQ
3	Ổ cắm	PCS	150.000	TQ
4	Vỏ tấm xích	PCS	150.000	VN
5	Cờ ga	PCS	150.000	TQ
6	Nút khóa an toàn	PCS	150.000	TQ
7	Thân hộp	PCS	300.000	VN
8	Cần liên động	PCS	150.000	TQ
9	Nút thắt thứ cấp	PCS	150.000	TQ
10	Núm khóa	PCS	150.000	TQ
11	Chụp bảo vệ	PCS	150.000	VN
12	Nút ấn	PCS	150.000	TQ
13	Ốc vít	PCS	2.100.000	TQ
14	Motor	PCS	150.000	TQ
15	Gioăng cao su	PCS	300.000	TQ
16	Dao	PCS	150.000	TQ
17	Cờ lê	PCS	150.000	TQ
18	Vòng chốt	PCS	300.000	TQ
19	Bu lông	PCS	150.000	TQ
20	Trục bánh xe	PCS	150.000	TQ
21	Bánh xe	PCS	150.000	TQ
22	Vòng bi	PCS	300.000	TQ
23	Lò xo xoắn	PCS	300.000	TQ
24	Lò xo	PCS	450.000	TQ
25	Tấm khóa thanh hãm	PCS	150.000	TQ
26	Công tắc lưới gà	PCS	150.000	TQ
27	Dây dẫn trong	PCS	600.000	VN
28	Nỉ len	PCS	150.000	TQ
29	Bánh răng	PCS	300.000	TQ
30	Giá đỡ	PCS	150.000	TQ

TT	Tên nguyên phụ liệu	Đơn vị tính	Dự tính lượng dùng 1 năm	Xuất xứ
31	Vòng chốt	PCS	150.000	TQ
32	Tem	PCS	750.000	VN
33	Sách hướng dẫn	PCS	150.000	VN
34	Thùng carton	PCS	150.000	VN
35	Hộp phụ kiện	PCS	150.000	VN
36	Tấm giấy tổ ong	PCS	300.000	VN
37	Túi nhựa đóng gói	PCS	150.000	TQ
38	Túi nhựa tự dính	PCS	150.000	TQ

8.8. Danh mục máy móc, thiết bị thực hiện mục tiêu mới:

STT	Tên nguyên phụ liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng	Thành tiền (USD)
1	Băng tải, chất liệu PVC, kích thước 15Mx580MMx800MM, dùng cho dây chuyền sản xuất	bộ	1	TQ	2023	Sử dụng tốt	7.367
2	Băng chuyển SX T01 (Băng tải vận chuyển)	bộ	1	TQ	2024	Sử dụng tốt	7.367
3	Máy kiểm tra hoạt động thử nghiệm của máy cắt cỏ (tốc độ lưỡi cắt, mức tiêu thụ)	bộ	1	TQ	2023	Sử dụng tốt	10.128
4	Máy kiểm tra hoạt động thử nghiệm của máy cắt cỏ (tốc độ lưỡi cắt, mức tiêu thụ)	bộ	1	TQ	2023	Sử dụng tốt	10.442
5	Bộ chuyển nguồn RU-M60-10060, chuyển nguồn điện xoay chiều sang nguồn điện 1 chiều	bộ	1	TQ	2023	Sử dụng tốt	2.103
6	Giá treo chỉ dẫn sản xuất	bộ	1	VN	2023	Sử dụng tốt	859
7	Giá treo chỉ dẫn sản xuất	bộ	1	VN	2023	Sử dụng tốt	859
8	Bàn thao tác bằng nhôm định hình	bộ	12	VN	2023	Sử dụng tốt	3.864
9	Tấm xích băng tải dùng cho chuyền sản xuất trong nhà xưởng	Pcs	590	TQ	2023	Sử dụng tốt	6.830
10	Tấm xích băng tải dùng cho chuyền sản xuất trong nhà xưởng, kt 796x93x25x3mm, hà	Pcs	590	TQ	2023	Sử dụng tốt	6.849

STT	Tên nguyên phụ liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng	Thành tiền (USD)
11	Máy biến áp 81005S, điện áp 0-60V, hàng mới 100%	Pcs	1	TQ	2023	Sử dụng tốt	1.130
12	Máy biến áp 81005S, điện áp 0-60V, hàng mới 100%	Pcs	1	TQ	2023	Sử dụng tốt	1.130
13	Máy đo tốc độ gió	Pcs	2	TQ	2023	Sử dụng tốt	1022
14	Máy biến áp RU-36-6060D, điện áp 0-60V, hàng mới 100%	Pcs	1	TQ	2023	Sử dụng tốt	642
15	Máy biến áp RU-36-6060D, điện áp 0-60V, hàng mới 100%	Pcs	1	TQ	2023	Sử dụng tốt	642
16	Băng chuyển SX T08 (Băng tải xích tấm)	Pcs	1	TQ	2021	Sử dụng tốt	10.706
17	Băng chuyển SX F04 mới xưởng G (Băng tải xích tấm)	Pcs	1	TQ	2021	Sử dụng tốt	16.933
18	Dây chuyền sản xuất	chuy ền	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	45.036
19	Tấm kê máy	bộ	26	TQ	2025	Sử dụng tốt	15.012
20	Xe kéo chạy điện	máy	2	TQ	2025	Sử dụng tốt	5.421
21	Xe bàn nâng thủy lực	máy	10	TQ	2025	Sử dụng tốt	1.946
22	Bàn thao tác bằng nhôm định hình	Pcs	15	TQ	2025	Sử dụng tốt	4.448
23	Hộp đựng vật liệu	Pcs	60	TQ	2025	Sử dụng tốt	83
24	Giá hàng	Pcs	8	TQ	2025	Sử dụng tốt	473
25	Giá hàng	Pcs	4	TQ	2025	Sử dụng tốt	181
26	Thiết bị cân bằng	Pcs	15	TQ	2025	Sử dụng tốt	723

STT	Tên nguyên phụ liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng	Thành tiền (USD)
27	Tấm cách điện	Pcs	2	TQ	2025	Sử dụng tốt	56
28	Máy đóng hộp tự động	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	1.807
29	Máy dán góc tự động	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	9.035
30	Máy cân hàng tự động	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	5.282
31	Máy cắt thùng	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	7.506
32	Dây chuyền con lăn	chuyền	2	TQ	2025	Sử dụng tốt	834
33	Hệ thống quản lý Mes	bộ	20	TQ	2025	Sử dụng tốt	18.070
34	Tủ dụng cụ	Pcs	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	153
35	Súng bắn vít điện	Pcs	15	TQ	2025	Sử dụng tốt	5.699
36	Súng bắn vít khí nén	Pcs	6	TQ	2025	Sử dụng tốt	1.807
37	Máy đai đồng	chuyền	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	1.056
38	Máy đo điện áp	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	612
39	Máy biến áp	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	445
40	Đồng hồ đo thông số điện	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	445
41	Nguồn điện một chiều	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	1.056
42	Máy bắn vít tự động	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	7.506

STT	Tên nguyên phụ liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng	Thành tiền (USD)
43	Thiết bị kiểm tra tính năng tổng hợp	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	18.070
44	Robot xếp hàng	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	22.518
45	Thùng kiểm tra độ bền	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	15.012
46	Máy ép khí nén	máy	5	TQ	2025	Sử dụng tốt	2.919
47	Các dụng cụ khác	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	1.390
48	Dây chuyền sản xuất	chuyền	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	30.580
49	Xe kéo chạy điện	máy	2	TQ	2025	Sử dụng tốt	5.421
50	Xe bàn nâng thủy lực	máy	10	TQ	2025	Sử dụng tốt	1.946
51	Bàn thao tác bằng nhôm định hình	Pcs	15	TQ	2025	Sử dụng tốt	4.448
52	Hộp đựng vật liệu	Pcs	60	TQ	2025	Sử dụng tốt	70
53	Giá hàng	Pcs	8	TQ	2025	Sử dụng tốt	473
54	Giá hàng	Pcs	4	TQ	2025	Sử dụng tốt	181
55	Thiết bị cân bằng	Pcs	15	TQ	2025	Sử dụng tốt	723
56	Tấm cách điện	Pcs	2	TQ	2025	Sử dụng tốt	28
57	Máy đóng hộp tự động	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	1.807
58	Máy dán góc tự động	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	9.035

STT	Tên nguyên phụ liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng	Thành tiền (USD)
59	Máy cân hàng tự động	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	5.282
60	Máy cắt thùng	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	7.506
61	Dây chuyền con lăn	chuyền	2	TQ	2025	Sử dụng tốt	834
62	Hệ thống quản lý Mes	bộ	20	TQ	2025	Sử dụng tốt	18.070
63	Tủ dụng cụ	Pcs	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	153
64	Súng bắn vít điện	Pcs	15	TQ	2025	Sử dụng tốt	5.699
65	Súng bắn vít khí nén	Pcs	6	TQ	2025	Sử dụng tốt	1.807
66	Máy đai đồng	chuyền	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	1.056
67	Máy đo điện áp	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	612
68	Máy biến áp	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	445
69	Đồng hồ đo thông số điện	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	445
70	Nguồn điện một chiều	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	1.056
71	Máy bắn vít tự động	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	7.506
72	Thiết bị kiểm tra tính năng tổng hợp	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	18.070
73	Robot xếp hàng	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	22.518
74	Thùng kiểm tra độ bền	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	15.012

STT	Tên nguyên phụ liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng	Thành tiền (USD)
75	Máy ép khí nén	máy	5	TQ	2025	Sử dụng tốt	2.919
76	Khác	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	3.100
77	Dưỡng giá lắp thiết bị	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	17.792
78	Dưỡng giá lắp thiết bị	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	12.510
79	Dưỡng giá lắp thiết bị	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	12.232
80	Dưỡng giá lắp thiết bị	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	9.174
81	Dưỡng giá lắp thiết bị	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	8.340
82	Dưỡng giá lắp thiết bị	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	6.672
83	Dưỡng giá lắp thiết bị	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	11.398
84	Dưỡng giá lắp thiết bị	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	11.120
85	Dưỡng giá lắp thiết bị	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	11.120
86	Dưỡng giá lắp thiết bị	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	9.174
87	Dưỡng giá lắp thiết bị	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	9.035
88	Dưỡng giá lắp thiết bị	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	11.120
89	Dưỡng giá lắp thiết bị	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	9.452
90	Dưỡng giá lắp thiết bị	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	12.788

STT	Tên nguyên phụ liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng	Thành tiền (USD)
91	Thiết bị kiểm tra tính năng đặc tính của động cơ	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	36.140
92	Thiết bị thu thập dữ liệu	máy	2	TQ	2025	Sử dụng tốt	9.730
93	Nguồn điện một chiều	máy	5	TQ	2025	Sử dụng tốt	10.425
94	Nguồn điện biến tần	máy	3	TQ	2025	Sử dụng tốt	12.510
95	Thiết bị đo độ ẩm nhiều cổng	bộ	2	TQ	2025	Sử dụng tốt	6.950
96	Thiết bị kiểm tra độ bền chạy không tải	bộ	2	TQ	2025	Sử dụng tốt	10.286
97	Máy đo tốc độ gió	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	862
98	Thiết bị đo độ rung	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	4.448
99	Máy đo hình ảnh	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	862
100	Thiết bị kiểm tra thời gian dừng máy	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	5.282
101	Thiết bị kiểm tra thời gian dừng máy	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	3.892
102	Máy kiểm tra hoạt động thử nghiệm của máy cắt cô	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	11.954
103	Thiết bị đo tải	máy	2	TQ	2025	Sử dụng tốt	4.726
104	Đồng hồ đo thông số điện	máy	2	TQ	2025	Sử dụng tốt	278
105	Thiết bị đo điện áp	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	278
106	Thuốc lá	Pcs	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	28

STT	Tên nguyên phụ liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng	Thành tiền (USD)
107	Thuốc cuộn	Pcs	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	11
108	Máy đo độ cao vi mô	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	1.390
109	Máy đo tiếng ồn	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	834
110	Thiết bị kiểm tra độ bền của máy cắt cỏ	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	7.367
111	Thiết bị kiểm tra độ bền tải công cụ làm vườn	máy	3	TQ	2025	Sử dụng tốt	11.676
112	Thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm cao - thấp	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	11.537
113	Đồng hồ vạn năng	máy	2	TQ	2025	Sử dụng tốt	167
114	Đồng hồ kẹp dòng	máy	2	TQ	2025	Sử dụng tốt	222
115	Thiết bị kiểm tra máy cắt cỏ	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	3.614
116	Thiết bị kiểm tra vật bay của máy cắt cỏ	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	25.020
117	Cân điện tử	máy	2	TQ	2025	Sử dụng tốt	222
118	Máy biến áp	máy	3	TQ	2025	Sử dụng tốt	250
119	Thiết bị kiểm tra hiệu suất pin có thể sạc lại	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	4.865
120	Thiết bị kiểm tra lão hóa pin	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	21.128
121	Cánh tay mô phỏng, bàn chân mô phỏng và các công cụ kiểm tra khác	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	3.058
122	Đồng hồ đo vòng quay	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	195

STT	Tên nguyên phụ liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng	Thành tiền (USD)
123	Tủ kiểm tra tính năng sương muối	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	3.475
124	Thiết bị kiểm tra tính năng chống nước	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	21.128
125	Thiết bị mô phỏng thiết bị vận hành	máy	3	TQ	2025	Sử dụng tốt	3.058
126	Máy kiểm tra độ bền thiết bị	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	5.560
127	Đồng hồ đo áp suất bi	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	306
128	Khác	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	1.668
129	Nguồn điện một chiều	máy	2	TQ	2025	Sử dụng tốt	2.029
130	Nguồn điện biến tần	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	765
131	Thiết bị đo độ cứng	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	3.058
132	Đồng hồ đo vòng quay	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	195
133	Thiết bị đo góc	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	7.089
134	Máy đo 3D	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	86.180
135	Máy đo hình ảnh	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	20.850
136	Thiết bị đo điện áp	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	278
137	Đồng hồ đo thông số điện	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	139
138	Thiết bị đo độ cân bằng	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	3.614

STT	Tên nguyên phụ liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng	Thành tiền (USD)
139	Cân điện tử	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	111
140	Kiểm soát hạn chế các chất độc hại	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	25.020
141	Thiết bị đo tĩnh điện	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	153
142	Máy đo độ cứng bờ	máy	2	TQ	2025	Sử dụng tốt	334
143	Nguồn điện một chiều	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	1.015
144	Đồng hồ đo vòng quay	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	195
145	Đồng hồ đo thông số điện	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	139
146	Thuốc cuộn	Pcs	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	11
147	Khác	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	1.529
148	Nguồn điện một chiều	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	1.015
149	Nguồn điện biến tần	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	765
150	Đồng hồ đo vòng quay	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	195
151	Thiết bị đo điện áp	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	278
152	Đồng hồ đo thông số điện	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	139
153	Cân điện tử	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	111
154	Máy đo tốc độ gió	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	862

STT	Tên nguyên phụ liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng	Thành tiền (USD)
155	Thuốc cuộn	Pcs	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	11
156	Máy đo tiếng ồn	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	834
157	Đồng hồ đo lực kéo	máy	2	TQ	2025	Sử dụng tốt	556
158	Thiết bị đo lực siết	máy	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	2.780
159	Khác	bộ	1	TQ	2025	Sử dụng tốt	1.529
160	Nguồn điện một chiều	máy	1	TQ	2026	Sử dụng tốt	1.015
161	Nguồn điện biến tần	máy	1	TQ	2026	Sử dụng tốt	765
162	Đồng hồ đo vòng quay	máy	1	TQ	2026	Sử dụng tốt	195
163	Thiết bị đo điện áp	máy	1	TQ	2026	Sử dụng tốt	278
164	Đồng hồ đo thông số điện	máy	1	TQ	2026	Sử dụng tốt	139
165	Cân điện tử	máy	1	TQ	2026	Sử dụng tốt	111
166	Đồng hồ đo lực kéo	máy	1	TQ	2026	Sử dụng tốt	278
167	Thiết bị đo lực siết	máy	1	TQ	2026	Sử dụng tốt	2.780
	Thành tiền						1.015.057

8.9. Phương tiện vận tải:

S TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Năm đưa máy vào sử dụng	Bộ phận sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (USD)	Thành tiền (USD)
------	----------------------------	-------------------------	-----------------	-------------	----------	---------------	------------------

1	Xe ô tô	2025	HCNS	Chiếc	01	60.000	60.000
Tổng cộng							60.000

Nhu cầu về số lượng lao động cho địa điểm mới:

STT	Vị trí	Số lượng	Dự kiến lương (VNĐ)
1	Quản lý	3	15.000.000 - 25.000.000
2	Nhân viên văn phòng	7	10.000.000 - 15.000.000
3	Công nhân	200	8.000.000 - 10.000.000
	Tổng cộng	210	

Tùy theo tình hình hoạt động kinh doanh, công ty sẽ điều chỉnh tăng/giảm lao động tương ứng.

8.10. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường sau khi thêm mục tiêu mới

a, Đối với nước thải: quá trình sản xuất không phát sinh nước thải sản xuất

a) Nước thải sinh hoạt:

Nguồn phát sinh: Nước thải sinh hoạt của cơ sở phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của công nhân viên.

Dự kiến lượng thải tăng thêm: 200 m³/tháng

Phương pháp xử lý: Nước thải từ nhà vệ sinh thoát ra bể tự hoại. Bể tự hoại được xây ngầm dưới đất theo hồ sơ thiết kế thi công có chức năng lắng cặn và phân hủy. Nước thải thoát ra từ bể tự hoại đi theo đường ống gom vào hệ thống xử lý nước thải riêng biệt. Tại đây nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý theo các chỉ tiêu của tiêu chuẩn Việt Nam và quy định chung của Khu công nghiệp.

b, Đối với bụi và khí thải: Trong quá trình sản xuất, do bản chất của việc thực hiện sản xuất là lắp ráp sản phẩm nên không phát sinh bụi và khí thải. Bụi và khí thải chỉ phát sinh một lượng rất nhỏ do hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào cơ sở như xe của công nhân viên, xe vận chuyển nguyên liệu, hàng hoá và thành phẩm.

Thành phần và tính chất: Thành phần các chất ô nhiễm trong khí thải trên chủ yếu là SO₂, NO₂, CO₂ và bụi. Tuy nhiên lượng phương tiện ra vào cơ sở tương đối ít nên nguồn phát sinh bụi và khí thải từ hoạt động này không đáng kể.

c, Đối với chất thải:

- Nguồn phát sinh:

+ Chất thải sinh hoạt: Phát sinh từ quá trình hoạt động, sinh hoạt của công nhân viên như giấy văn phòng, giấy vệ sinh,...

Dự kiến lượng thải tăng thêm: 500 kg/năm

+ Chất thải rắn sản xuất: Phát sinh từ bìa carton,....

Dự kiến lượng thải tăng thêm: 50.000 kg/năm.

+ Chất thải rắn nguy hại: Phát sinh từ quá trình bảo dưỡng lau chùi máy móc, thiết bị; hoạt động chiếu sáng, hoạt động sản xuất như bóng đèn huỳnh quang thải, bao bì mềm thải, gang tay dính dầu mỡ, dầu thải tổng hợp,....

Dự kiến lượng thải tăng thêm: 300 kg/năm

- Phương pháp xử lý:

+ Chất thải sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất sẽ được thu gom, phân loại và xử lý theo đúng quy định.

+ Đối với chất thải nguy hại sẽ được phân loại và thu gom vào các thùng chứa riêng biệt, được dán nhãn và biển báo chất thải nguy hại. Công ty sẽ ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng quy định quản lý chất thải nguy hại.

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Hải Dương, ngày tháng năm 2025

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ DUCAR
TỔNG GIÁM ĐỐC

PANG XU